https://trungtamthuoc.com/

Algelstad

1. **Tên thuốc**
   Algelstad
2. **Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc**
   Để xa tầm tay trẻ em
   Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
3. **Thành phần công thức thuốc**
   Thành phần hoạt chất:
   Aluminium phosphate gel 20%..... 12,38 g
   Thành phần tá dược:
   Sorbitol lỏng 70%, xanthan gum, mùi sữa, dinatri hydrophosphat, natri benzoat, ethanol 96%, nước tinh khiết.
4. **Dạng bào chế**
   Hỗn dịch uống.
   Hỗn dịch màu trắng đục, sánh, đồng nhất, thơm mùi sữa.
5. **Chỉ định**
   – Viêm thực quản, viêm dạ dày cấp và mạn tính, loét dạ dày - tá tràng, kích ứng dạ dày, các triệu chứng thừa acid (như ợ nóng, ợ chua, tiết nhiều acid (như trong thời kỳ thai nghén)).
   – Những rối loạn của dạ dày do những thuốc khác, do sai chế độ ăn hoặc sau khi dùng quá nhiều nicotin, cà phê, kẹo, hoặc những thực phẩm nhiều gia vị.
   – Các biến chứng của thoát vị cơ hoành, viêm đại tràng (Morbus Crohn).
6. **Cách dùng, liều dùng**
   Cách dùng
   Algelstad được dùng bằng đường uống.
   Liều dùng
   1 - 2 gói, giữa các bữa ăn hoặc khi thấy khó chịu.
7. **Chống chỉ định**
   Quá mẫn với aluminium hoặc các chế phẩm chứa aluminium.
8. **Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc**
   Không dùng liều cao lâu dài ở người bệnh suy thận.
9. **Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**
   Phụ nữ có thai
   Aluminium phosphate có thể dùng được cho phụ nữ có thai nhưng tránh dùng liều cao lâu dài.
   Phụ nữ cho con bú
   Mặc dù một lượng nhỏ aluminium được bài tiết qua sữa, nhưng nồng độ không đủ gây tác hại đến trẻ bú mẹ.
10. **Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc**
    Không ảnh hưởng.
11. **Tương tác, tương kỵ của thuốc**
    Tương tác của thuốc
    – Aluminium phosphate có thể làm tăng hoặc giảm tốc độ và mức độ hấp thu của các thuốc dùng đồng thời, do làm thay đổi thời gian dịch chuyển qua đường dạ dày - ruột, hoặc do liên kết hoặc tạo phức với thuốc. Tetracyclin tạo phức với aluminium phosphate, do vậy khi dùng tetracyclin phải cách 1 - 2 giờ trước hoặc sau khi dùng **Algelstad**.
    – Aluminium phosphate làm giảm hấp thu của digoxin, indomethacin, các muối sắt, isoniazid, clodiazepoxid, naproxen.
    – Aluminium phosphate làm tăng hấp thu của dicoumarol, pseudoephedrin, diazepam.
    – Aluminium phosphate làm tăng pH nước tiểu, do đó làm giảm thải trừ các thuốc kiềm yếu (amphetamin, quinidin) và tăng thải trừ các thuốc acid yếu (aspirin).
    – Độ hấp thu của aluminium qua đường tiêu hóa có thể tăng nếu dùng chung với các citrat hay acid ascorbic.
    Tương kỵ của thuốc
    Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.
12. **Tác dụng không mong muốn của thuốc**
    Aluminium phosphate là một chất làm săn se niêm mạc và có thể gây táo bón; liều cao có thể gây tắc ruột.
13. **Quá liều và cách xử trí**
    Chưa có thông tin.
14. **Đặc tính dược lực học**
    Nhóm dược lý: Thuốc điều trị các rối loạn liên quan đến acid; Thuốc kháng acid; các hợp chất của nhôm.
    Mã ATC: A02AB03.
    Aluminium phosphate được dùng như một thuốc kháng acid dạ dày dưới dạng gel aluminium phosphate. Aluminium phosphate làm giảm acid dịch vị dư thừa nhưng không gây trung hòa. Gel dạng keo tạo một màng bảo vệ tựa chất nhầy che phủ diện rộng niêm mạc đường tiêu hóa. Lớp màng bảo vệ gồm aluminium phosphate phân tán mịn làm liền nhanh ổ viêm và loét, bảo vệ niêm mạc dạ dày chống lại tác động bên ngoài và làm người bệnh dễ chịu ngay.
15. **Đặc tính dược động học**
    Bình thường thuốc không được hấp thu vào cơ thể và không ảnh hưởng đến cân bằng acid - kiềm của cơ thể. Aluminium phosphate hòa tan chậm trong dạ dày và phản ứng với acid hydrocloric để tạo thành aluminium chloride và nước. Ngoài việc tạo aluminium chloride, aluminium phosphate còn tạo acid phosphoric. Khoảng 17 - 30% lượng aluminium chloride tạo thành được hấp thu và nhanh chóng được thận đào thải ở người có chức năng thận bình thường. Aluminium phosphate không được hấp thu sẽ đào thải qua phân.
16. **Quy cách đóng gói**
    Gói 20 g. Hộp 20 gói.
17. **Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc**
17.1. **Điều kiện bảo quản**
    Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô, tránh ánh sáng. Nhiệt độ không quá 30°C.
17.2. **Hạn dùng**
    36 tháng kể từ ngày sản xuất.
17.3. **Tiêu chuẩn chất lượng**
    TCCS.
18. **Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc**

STELLA
Công ty TNHH LD Stellapharm - Chi nhánh 1
Số 40 đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore,
P. An Phú, Tx. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam
ĐT: (+84 274) 3767 470 Fax: (+84 274) 3767 469